TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62 /2023/DS-ST
Ngày: 14-8-2023
"*V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Cao Diễm.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

Ông Ngô Văn Dũng;

Ông Phan Văn Nguyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thái Vân An - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2023/TLST-DS, ngày 16/5/2023, về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐST-DS ngày 13/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2023/QĐST-DS ngày 28/7/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn H, sinh năm: 1977. Địa chỉ: xã Tân Th, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn T, sinh năm: 1977; Địa chỉ: xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Ủy quyền cho Nguyễn Võ P, sinh năm: 2004, địa chỉ: xã Tân Th, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng ủy quyền ngày 26/7/2023.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn H trình bày:

Vào ngày 14/ 11/2019 ông H có cho ông T vay số tiền 50.000.000đ khi vay có làm hợp đồng vay tiền viết tay thời hạn trả là 06 tháng, lãi suất thỏa thuận 1.000.000đ/tháng, nhưng từ khi vay đến nay ông T đã trả vốn được 10.000.000đ như sau: ngày 01/3/2022 trả 2.000.000đ, ngày 06/4/2022 trả 2.000.000đ, ngày 20/6/2022 trả 2.000.000đ, ngày 10/8/2022 trả 2.000.000đ, ngày 20/10/2022 trả 2.000.000đ, số vốn và lãi còn lại đến nay chưa trả nay Nguyễn H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Nguyễn T trả cho Nguyễn H số tiền nợ vay vốn 40.000.000 đồng, lãi suất 0,83% tính như sau:

- Đối với số tiền 50.000.000đ tình từ ngày 14/11/2019 đến ngày 28/02/2022 là 27 tháng 14 ngày x 50.000.000đ x 0,83% = 11.398.700đ.

- Đối với số tiền 48.000.000đ tình từ ngày 01/3/2022 đến ngày 05/4/2022 là 01 tháng 4 ngày x 48.000.000đ x 0,83% = 451.520đ.

- Đối với số tiền 46.000.000đ tình từ ngày 06/4/2022 đến ngày 19/6/2022 là 02 tháng 13 ngày x 46.000.000đ x 0,83% = 928.600đ.

- Đối với số tiền 44.000.000đ tình từ ngày 20/6/2022 đến ngày 09/8/2022 là 01 tháng 20 ngày x 44.000.000đ x 0,83% = 605.200đ.

- Đối với số tiền 42.000.000đ tình từ ngày 10/8/2022 đến ngày 19/10/2022 là 02 tháng 09 ngày x 42.000.000đ x 0,83% = 802.000đ.

- Đối với số tiền 40.000.000đ tình từ ngày 20/10/2022 đến ngày 14/4/2023 là 05 tháng 25 ngày x 40.000.000đ x 0,83% = 1.935.000đ.

Tổng cộng lãi là 16.121.000đ, tổng cộng vốn và lãi là 56.121.000đ.

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn T trình bày: Trước đây ông T có vay của ông H số tiền 20.000.000đ nhưng do ông T không có tiền trả nên ông H mới kê cả vốn lẫn lãi lên 50.000.000đ, đúng là ông T có ký tên vào hợp đồng vay tiền ngày 14/11/2019, vào năm 2022 thì ông T trả được 10.000.000đ nhưng không nhớ cụ thể ngày tháng nay ông T đồng ý trả cho ông H số tiền 40.000.000đ không đồng ý trả lãi vì số tiền lãi ông H đã kê lên 50.000.000đ rồi nên không đồng ý trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn H khởi kiện yêu cầu Nguyễn T trả tiền nợ vay, đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản. Các đương sự cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyễn H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Nguyễn T trả cho Nguyễn H số tiền nợ vay vốn 40.000.000 đồng, lãi 0,83% tính như sau:

- Đối với số tiền 50.000.000đ tình từ ngày 14/11/2019 đến ngày 28/02/2022 là 27 tháng 14 ngày x 50.000.000đ x 0,83% = 11.398.700đ.

- Đối với số tiền 48.000.000đ tình từ ngày 01/3/2022 đến ngày 05/4/2022 là 01 tháng 4 ngày x 48.000.000đ x 0,83% = 451.520đ.

- Đối với số tiền 46.000.000đ tình từ ngày 06/4/2022 đến ngày 19/6/2022 là 02 tháng 13 ngày x 46.000.000đ x 0,83% = 928.600đ.

- Đối với số tiền 44.000.000đ tình từ ngày 20/6/2022 đến ngày 09/8/2022 là 01 tháng 20 ngày x 44.000.000đ x 0,83% = 605.200đ.

- Đối với số tiền 42.000.000đ tình từ ngày 10/8/2022 đến ngày 19/10/2022 là 02 tháng 09 ngày x 42.000.000đ x 0,83% = 802.000đ.

- Đối với số tiền 40.000.000đ tình từ ngày 20/10/2022 đến ngày 14/4/2023 là 05 tháng 25 ngày x 40.000.000đ x 0,83% = 1.935.000đ.

Tổng cộng lãi là 16.121.000đ

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là hợp đồng vay tiền có chữ ký tên và ghi họ tên Nguyễn T, ông T cũng thừa nhận có nợ ông H số tiền này và đồng ý trả cho ông H số tiền 40.000.000đ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết, có đủ cơ sở để xác định Nguyễn T nợ tiền Nguyễn H số tiền 40.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyễn H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với tiền lãi thì ông T không đồng ý trả lãi như ông H yêu cầu vì cho rằng khi vay chỉ có 20.000.000đ nhưng ông T không có tiền trả nên ông H mới kê cả vốn lẫn lãi lên 50.000.000đ nhưng ông T không có gì chứng minh cho lời tình bày của mình cho nên Hội đồng xét xử xét thấy việc ông H tính tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả như trên là đúng quy định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyễn H là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyễn H.

2. Buộc Nguyễn T trả cho Nguyễn H số tiền nợ vốn là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), lãi 16.121.000 đồng (Mười sáu triệu, một trăm hai mươi mốt nghìn đồng), tổng cộng vốn và lãi là 56.121.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, một trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Nguyễn T phải chịu 2.806.050 đồng (Hai triệu, tám trăm lẽ sáu nghìn, không trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyễn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Nguyễn H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.025.000 đồng (Hai triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0015892, ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (14/8/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Cao Diễm